

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng xây dựng cầu Ngành : Xây dựng cầu đường Năm học : 2009 - 2010 ĐVHT : 5
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Toán ứng dụng1 Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3371010006	Thân	An	06/12/1991	6	6					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
2	3371010025	Nguyễn Khắc	Bình	15/07/1991	7	7					7.00	2.10	5.00	3.50	6	Học lại
3	3371010038	Trần Minh	Chiến	28/05/1991	5	6					5.50	1.65	5.00	3.50	5	Học lại
4	3371010051	Bùi Ngọc	Cương	15/03/1989	5	6					5.50	1.65	3.00	2.10	4	
5	3371010060	Nguyễn Văn	Cường	20/01/1990	6	5					5.50	1.65	4.00	2.80	4	
6	3371010064	Lê Quang	Du	05/07/1991	4	5					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
7	3371010070	Phan Thế	Dũng	06/11/1991	2	5					3.50	1.05	3.00	2.10	3	
8	3371010079	Phan Anh	Duy	27/01/1991	5	7					6.00	1.80	1.00	0.70	3	Học lại
9	3371010084	Nguyễn Đình	Dữ	30/12/1990	4	3					3.50	1.05	0.00	0.00	1	Học lại
10	3371010104	Hà Công	Đồng	22/06/1991	4	3					3.50	1.05	1.00	0.70	2	
11	3371010198	Phạm Văn	Hưng	27/09/1991	3	4					3.50	1.05	3.00	2.10	3	
12	3371010215	Vũ Văn	Khoa	16/07/1991		7					7.00	2.10	3.00	2.10	4	Học lại
13	3371010218	Đào Nguyễn Duy	Khương	07/11/1991	4	7					5.50	1.65	5.00	3.50	5	
14	3371010233	Nguyễn Văn	Linh	14/02/1991	6	7					6.50	1.95	2.00	1.40	3	Học lại
15	3371010236	Võ Văn	Lo	25/10/1991	3	6	10				6.33	1.90	3.00	2.10	4	
16	3371010267	Vũ Ngọc	Minh	26/05/1990	6	2					4.00	1.20	2.00	1.40	3	
17	3371010283	Lưu Văn	Nghĩa	09/10/1991	6	5					5.50	1.65	3.00	2.10	4	
18	3371010312	Phan Minh	Nhật	28/10/1991	6	6					6.00	1.80	3.00	2.10	4	
19	3371010313	Trương	Nhật	30/04/1991	4	7					5.50	1.65	6.00	4.20	6	Học lại
20	3371010321	Trà Dương Xuân	Phát	06/11/1990	3	4					3.50	1.05	6.00	4.20	5	Học lại
21	3371010339	Võ Đăng Nguyên	Phượng	06/09/1991	2	5					3.50	1.05	4.00	2.80	4	

STT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thành phần						TBC TP	Quy TS 30%	Điểm thi	Quy TS 70%	Điểm TK	Ghi chú
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3371010343	Huỳnh Ngọc	Quang	26/08/1990	4	6					5.00	1.50	3.00	2.10	4	
23	3371010352	Lê Minh	Quân	17/11/1991	7	0					3.50	1.05	3.00	2.10	3	Học lại
24	3371010356	Từ Sỹ Hồng	Quân	12/11/1990	4	7					5.50	1.65	3.00	2.10	4	Học lại
25	3371010374	Lê Trường	Sinh	29/01/1991	4	5					4.50	1.35	6.00	4.20	6	
26	3371010376	Đỗ Bạch Kim	Sơn	12/01/1991	6	7					6.50	1.95	4.00	2.80	5	
27	3371010398	Thiều Văn	Tâm	06/11/1991	4	4					4.00	1.20	2.00	1.40	3	
28	3371010417	Nguyễn Chí	Thanh	10/10/1991	3	5					4.00	1.20	4.00	2.80	4	
29	3371010432	Ngô Minh	Thạnh	02/02/1991		6					6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
30	3371010451	Trương Hoàng	Thi		4	7					5.50	1.65	6.00	4.20	6	Học lại
31	3371010503	Phan Châu	Tri	15/04/1990		4					4.00	1.20	0.00	0.00	1	Học lại
32	3371010523	Cao Văn	Trường	05/06/1991	3	5	9				5.67	1.70	5.00	3.50	5	
33	3371010540	Trần Thanh	Tuấn	04/08/1989	5	5					5.00	1.50	1.00	0.70	2	
34	3371010555	Đỗ Quang	Tú	05/04/1991	5	7					6.00	1.80	4.00	2.80	5	

Tổng: 34.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	0	0.0
Khá	0	0.0

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	4	11.8
Trung bình	9	26.5
Không đạt	21	61.8
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....
Giáo Vụ Khoa

Trưởng Khoa